

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06-9-2023
V/v: “*Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Phương Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hoàng Bảo Vân-Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bắc Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm
2020, về việc “*Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn*” theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn
phiên tòa số 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tsần Nhộc L, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Hải L, xã HN, huyện BB, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 (Vắng
mặt)

Địa chỉ: Số 02, đường số 38, phường TT, quận BT1, thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Anh Vòng Thín D, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hải L, xã HN, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường PT1, thành phố PT, tỉnh Bình Thuận

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Vòng Khìn S, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Hải L, xã HN, huyện BB, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Chị Tsần Nhộc L và anh Vòng Thín D có tìm hiểu, quen nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HN vào năm 2011. Quá trình chung sống do phát sinh mâu thuẫn nên năm 2019, vợ chồng chị thuận tình ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2019, về phân tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, do không thỏa thuận được về phân tài sản chung nên ngày 18/06/2020, chị làm đơn khởi kiện gửi Tòa án yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn. Chị Tsần Nhộc L khai trong thời gian chung sống, chị và anh D có tài sản chung bao gồm:

1. Thửa đất số 37, tờ bản đồ số 13, diện tích 13.256,7m² đất tọa lạc tại thôn Tân Hòa, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình. Nguồn gốc là do gia đình chồng tặng cho chồng chị khi kết hôn vào năm 2017. Khi được tặng cho thì hiện trạng đất hoang hóa nên chị và anh D bỏ công sức cải tạo đất và trồng nhiều cây ăn trái như xoài, bưởi, dừa, chanh, mít, cóc, me và xây một căn nhà tạm diện tích đất 28,47m². Đến ngày 17/11/2017, anh Vòng Thín D được UBND huyện Bắc Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CE 081900 do anh Vòng Thín D đứng tên. Sau khi chị và anh D ly hôn, anh D trực tiếp canh tác, quản lý tài sản này.

Về hiện trạng đất và giá trị tài sản: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản lập ngày 28/12/2020 của Hội đồng định giá thì hiện trạng và giá trị cụ thể như sau:

- +160 cây xoài loại A có giá trị 160 x 380.000 đồng /1 cây = 60.800.000 đồng.
- +250 cây bưởi có giá trị 250 x 310.000 đồng /1 cây = 77.500.000 đồng.
- +70 cây dừa có giá trị 70 x 400.000 đồng /1 cây = 28.000.000 đồng.

+20 cây chanh loại A có giá trị $20 \times 310.000 \text{ đồng} / 1 \text{ cây} = 6.200.000 \text{ đồng}$.
 +02 cây mít có giá trị $02 \times 290.000 \text{ đồng} / 1 \text{ cây} = 580.000 \text{ đồng}$
 + 01 cây me có giá trị $01 \times 400.000 \text{ đồng} / 1 \text{ cây} = 400.000 \text{ đồng}$.
 Tổng giá trị cây trồng là **173.800.000 đồng**.
 + 01 nhà tạm mái tol, vách tol, nền lát ciment có giá trị sử dụng 50%, có giá trị là: $28,47\text{m}^2 \times 590.000 \text{ đồng} \times 50\% = 8.398.000 \text{ đồng}$.
 Tổng giá trị tài sản trên đất bao gồm cây trồng và căn nhà tạm là **182.278.000 đồng**.

+ Về giá trị đất: $13.256,7\text{m}^2 \times 28.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,125 = 463.984.500 \text{ đồng}$.
 2. Thừa đất số 108, tờ bản đồ số 06, diện tích $177,4\text{m}^2$ đất tọa lạc tại số 6 thôn Hải L, xã HN, huyện Bắc Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CP 567971 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 10/03/2019 cho anh Vòng Thín D và Vòng Khin S. Nguồn gốc là của gia đình bị đơn tặng cho bị đơn Vòng Thín D và Vòng Khin S. Khi được tặng cho thì trên đất có căn nhà cũ, đến năm 2019 chị và anh D xây căn nhà cấp 4, diện tích $60,3\text{m}^2$. Sau khi chị L và anh D ly hôn, anh D trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản này.

- Về hiện trạng đất và giá trị tài sản: Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản lập ngày 04/02/2021 của Hội đồng định giá thì hiện trạng và giá trị cụ thể như sau:

+01 căn nhà cấp 4, kết cấu móng trụ bê tông cốt thép, tấm đan bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tol, trần la phong thạch cao, khu vệ sinh và bếp hoàn chỉnh, diện tích xây dựng $60,3\text{m}^2$, có giá trị sử dụng còn lại 85%, có giá $60,3\text{m}^2 \times 3.800.000 \text{ đồng} / 1 \text{ m}^2 \times 85\% = 194.769.000 \text{ đồng}$.

Các vật dụng trong nhà cụ thể:

+01 bộ bàn ghế trong nhà trị giá 9.000.000 đồng.
 +01 Tivi màn hình phẳng trị giá 12.500.000 đồng.
 +01 giường và 01 tủ quần áo trị giá 6.000.000 đồng.
 +01 nệm trị giá 3.000.000 đồng.
 +01 tủ lạnh trị giá 9.500.000 đồng.
 +01 máy lạnh hiệu Panasonic trị giá 11.000.000 đồng.
 +01 máy giặt trị giá 1.000.000 đồng.
 +01 bàn thờ ông Địa và tượng Quan Thế Âm trị giá 4.000.000 đồng.
 Tổng giá trị căn nhà và vật dụng là **250.769.000 đồng**

+ Về giá trị đất: $177,4\text{m}^2 \times 720.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 1,67 = 213.305.760$ đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Tsần Nhộc L không có yêu cầu xem xét thẩm định và định giá lại tài sản tranh chấp.

Nay chị L yêu cầu chia đôi số tài sản trên đất cụ thể:

- Đối với tài sản trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 13, diện tích $13.256,7\text{m}^2$, đất tọa lạc tại thôn TH, xã SB, huyện BB. Chị L yêu cầu chia đôi tài sản trên đất bao gồm cây trồng và căn nhà tạm trị giá là 182.278.000 đồng.

- Đối với tài sản trên thửa đất số 108, tờ bản đồ số 06, diện tích $177,4\text{m}^2$, đất tọa lạc tại số 6 thôn Hải L, xã HN, huyện Bắc Bình. Chị L yêu cầu chia đôi giá trị tài sản trên đất bao gồm căn nhà cấp 4 trên diện tích $60,3\text{m}^2$ và các vật dụng trong nhà trị giá là 250.769.000 đồng.

Chị L yêu cầu giao tất cả các tài sản trên cho anh D nhận và anh D có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản trên với số tiền là 216.523.500 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Tân thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn trình bày: Anh Vòng Thín D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh cho rằng tài sản mà chị L tranh chấp là tài sản riêng của anh. Ngôi nhà đang tranh chấp là do anh vay tiền ngân hàng để xây và cũng là người trả nợ ngân hàng. Anh D đồng ý trả lại cho chị Làn những vật dụng mà chị Làn mua như: máy giặt, giường, tủ gỗ, máy quạt, tivi, bàn thờ ông Địa, tượng Quan Thế Âm...

Ngày 02/5/2022, anh Vòng Thín D có đơn yêu cầu phản tố: Yêu cầu chị Làn phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh D $\frac{1}{2}$ số tiền gốc và lãi cụ thể là 100.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi mà trong quá trình chung sống anh D và chị Làn đã vay Agribank Chi nhánh Bắc Bình với số tiền là 200.000.000 đồng; thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền còn thiếu của vật liệu xây dựng Hoàng Lệ là 10.000.000 đồng; thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền mua chiếc xe Honda nhãn hiệu Yamaha là 27.500.000 đồng; thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền trả góp tủ lạnh là 10.000.000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã yêu cầu anh Vòng Thín D thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố nhưng anh Vòng Thín D đã không thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Vòng Thín D từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án; vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án mời làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Thống nhất với ý kiến của chị L là không chia đất. Riêng việc anh Vòng Thín D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị L thì đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xử án vắng mặt.

Đối với anh Vòng Khìn S là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, để giải quyết quyền lợi của Vòng Khìn S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CP 567971 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 10/03/2019 cho anh Vòng Thín D và anh Vòng Khìn S nhưng anh Vòng Khìn S không đến tòa để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến đối với vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 115, Điều 158, Điều 163, Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 38, Điều 44, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Tsần Nhộc L yêu cầu chia đôi số cây trồng trên đất nông nghiệp gồm: 160 cây xoài trị giá 60.800.000 đồng, 250 cây Bưởi trị giá 77.500.000 đồng, 70 cây Dừa trị giá 28.000.000 đồng, 20 cây Chanh trị giá 6.200.000 đồng, 01 cây Mít trị giá 400.000 đồng, 02 cây Cóc trị giá 580.000 đồng, 01 cây Me trị giá 400.000 đồng và 01 căn nhà tạm diện tích 28,47m² trị giá 8.398.000 đồng, 01 căn nhà cấp 4 diện tích 60,3m² trị giá 194.769.000 đồng và số vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 tivi trị giá 12.500.000 đồng, 01 máy giặt trị giá 1.000.000 đồng, 01 tủ lạnh trị giá 9.500.00 đồng, 01 giường và 01 tủ đựng quần áo trị giá 6.000.000 đồng, 01 máy lạnh trị giá 11.000.000 đồng, bàn thờ ông Địa và tượng Quan Thế Âm trị giá 4.000.000 đồng, 01 bộ bàn ghế trị giá 9.000.000 đồng, 01 nệm ngủ trị giá

3.000.000 đồng về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn, với tổng giá trị là 433.047.000 đồng.

Chia cho anh Vòng Thín D được quyền sở hữu số cây trồng trên đất nông nghiệp gồm: 160 cây Xoài, 250 cây Bưởi, 70 cây Dừa, 20 cây Chanh, 01 cây Mít, 02 cây Cóc, 01 cây me và 01 căn nhà tạm diện tích 28,47m², 01 căn nhà cấp 4 diện tích 60,3m² và số vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 ti vi, 01 máy giặt, 01 tủ lạnh, 01 giường, 01 tủ quần áo, 01 máy lạnh, bàn thờ ông Địa, tượng Quan Thế Âm, 01 bộ bàn ghế, 01 nệm. Anh Vòng Thín D có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị Tsần Nhộc L với số tiền là 216.523.500 đồng (Hai trăm mười sáu triệu năm trăm hai mươi ba ngàn năm trăm đồng)

Về chi phí thẩm định và án phí: Đương sự chịu chi phí thẩm định, án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn đối với bị đơn Vòng Thín D; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bắc Bình; do đó, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, anh D, anh Sấm đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của anh D có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của chị Làn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D, anh Sấm, anh Tấn, anh Hậu là đúng theo quy định của pháp luật

[3] Về nội dung:

[3.1] Chị Tsần Nhộc L và anh Vòng Thín D thuận tình ly hôn vào năm 2019. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số: 75/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2019 về phần tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, sau khi ly hôn hai bên không thỏa thuận được về tài sản chung nên chị L khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[3.2] Chị L khai trong thời gian chung sống, chị và anh D có tài sản chung bao gồm:

- 01 căn nhà tạm diện tích 28,47m² và cây ăn trái như xoài, bưởi, dừa, chanh, mít, cóc nằm trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 13, diện tích 13.256,7m² đất tọa lạc tại thôn Tân Hòa, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình đã được UBND huyện Bắc Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CE081900 ngày 17/11/2017 cho anh Vòng Thín D

- 01 căn nhà cấp 4, diện tích 60,3m² và các vật dụng trong nhà trị giá là 250.769.000 đồng, nằm trên thửa đất số 108, tờ bản đồ số 06, diện tích 177,4m² đất tọa lạc tại số 6 thôn Hải L, xã HN, huyện Bắc Bình đã được UBND huyện Bắc Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CP 567971 ngày 10/03/2019 cho anh Vòng Thín D và Vòng Khìn S

Nguyên đơn đồng ý giao tất cả các tài sản trên có tổng giá trị là 432.967.000 đồng cho bị đơn nhận và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị tài sản trên là 216.523.500 đồng.

Bị đơn cho rằng tài sản mà nguyên đơn đang tranh chấp là tài sản riêng của bị đơn, HĐXX nhận thấy: Chị Tsần Nhộc L và anh Vòng Thín D đăng ký kết hôn năm 2011 đến năm 2019 mới ly hôn. Tài sản tranh chấp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên đây là tài sản chung của vợ chồng chị L và anh D. Anh D cho rằng tài sản đang tranh chấp là tài sản riêng của anh nhưng anh không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, anh Vòng Thín D cũng đã thừa nhận trong quá trình chung sống anh và chị Làn có vay Agribank Chi nhánh Bắc Bình với số tiền là 200.000.000 đồng để xây nhà, hiện nay anh và chị Làn còn thiếu tiền của vật liệu xây dựng Hoàng Lệ. Ngoài những lời khai nại trên, bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh tài sản đang tranh chấp là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị đơn.

Đối với anh Vòng Khìn Sầm: Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã xác lập tư cách tham gia tố tụng đối với anh Vòng Khìn S để giải quyết quyền lợi của Vòng Khìn S theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CP 567971 do UBND huyện Bắc Bình cấp ngày 10/03/2019 cho anh Vòng Thín Dấu và anh Vòng Khìn S nhưng anh Vòng Khìn S không đến tòa để giải quyết vụ án. Do đó, nếu Vòng Khìn S có tranh chấp quyền sử dụng đất với anh Vòng Thín Dấu thì được quyền khởi kiện để giải quyết bằng 01 vụ án dân sự khác.

Đối với yêu cầu phản tố của anh Vòng Thín D, nếu anh Vòng Thín D tiếp tục có đơn thì được giải quyết bằng 01 vụ án dân sự khác.

[3.3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí: Chị L và anh Dấu phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 115, Điều 158, Điều 163, Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

1. Về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn:

1.1. Chia cho anh Vòng Thín D được quyền sở hữu một căn nhà cấp 4 diện tích 60,3m² và các vật dụng trong nhà, bao gồm:

+ 01 bộ bàn ghế trong nhà trị giá 9.000.000 đồng.

+ 01 Tivi màn hình phẳng trị giá 12.500.000 đồng.

+ 01 giường và 01 tủ quần áo trị giá 6.000.000 đồng.

+ 01 nệm trị giá 3.000.000 đồng.

+ 01 tủ lạnh trị giá 9.500.000 đồng.

+ 01 máy lạnh hiệu Panasonic trị giá 11.000.000 đồng.

+ 01 máy giặt trị giá 1.000.000 đồng.

+ 01 bàn thờ ông Địa và tượng Quan Thế Âm trị giá 4.000.000 đồng.

*Tổng giá trị căn nhà và vật dụng là 250.769.000 đồng

(Ngôi nhà nằm trên thửa đất số 108, tờ bản đồ số 06, diện tích 177,4m² đất tọa lạc tại số 6 thôn Hải L, xã HN, huyện Bắc Bình đã được UBND huyện Bắc Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CP 567971 ngày 10/03/2019 cho anh Vòng Thín Dấu và anh Vòng Khìn S)

1.2. Chia cho anh Vòng Thín D được quyền sở hữu một căn nhà tạm diện tích 28,47m² và cây ăn trái, bao gồm:

- +160 cây xoài loại A có giá trị 160 x 380.000 đồng /1 cây = 60.800.000 đồng.
- + 250 cây bưởi có giá trị 250 x 310.000 đồng /1 cây = 77.500.000 đồng.
- + 70 cây dừa có giá trị 70 x 400.000 đồng /1 cây = 28.000.000 đồng.
- + 20 cây chanh loại A có giá trị 20 x 310.000 đồng /1 cây = 6.200.000 đồng.
- + 02 cây mít có giá trị 02 x 290.000 đồng /1 cây = 580.000 đồng
- + 01 cây me có giá trị 01 x 400.000 đồng /1 cây = 400.000 đồng.

*Tổng giá trị căn nhà tạm và cây trồng là 182.278.000 đồng.

(Căn nhà tạm và cây trồng nằm trên thửa đất số 37, tờ bản đồ số 13, diện tích 13.256,7m² đất tọa lạc tại thôn Tân Hòa, xã Sông Bình, huyện Bắc Bình đã được UBND huyện Bắc Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CE 081900 ngày 17/11/2017 cho anh Vòng Thín D)

Tổng giá trị tài sản chung bằng hiện vật mà anh D được sở hữu là 433.047.000 đồng

1.3. Buộc anh Vòng Thín Dấu có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị tài sản chung cho chị Tsần Nhộc L với số tiền là 216.523.500 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Chị Tsần Nhộc L phải chịu 10.826.175 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.437.500 đồng mà chị Tsần Nhộc L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006358 ngày 08/06/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Bình; trả lại cho chị Tsần Nhộc L 1.611.325 đồng.

2.2. Anh Vòng Thín D phải nộp 10.826.175 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Tsần Nhộc L tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.000.000 đồng được trừ vào tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà chị L đã nộp. Chị Tsần Nhộc L đã nộp đủ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (Ngày 06-9-2023). Đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- THADS huyện Bắc Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; V.P

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lâm Quốc Tuấn